

Bản án số: 335 /2019/DS-PT

Ngày: 23 - 12 - 2019

V/v tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc: Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 157/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Kiều Ngọc T, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 44, quốc lộ 1, khu phố, thị trấn, huyện K, tỉnh K .

- Bị đơn: Ông Hồng Quốc C, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 275, Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau .

- Người kháng cáo: Ông Hồng Quốc C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Năm 2005 - 2006 ông Kiều Ngọc T, bà Trần Thị B nhiều lần giao dịch mua bán đầu vỏ tôm, cua, ghẹ với ông Hồng Quốc C, lần cuối cùng vào ngày 10/01/2006 ông bà giao hàng cho ông C nhưng ông C yêu cầu giao cho ông Thẩm Quốc Cường (người Trung Quốc), ông C có ký tên bảo lãnh nếu ông Cường không

thanh toán thì ông C sẽ thanh toán số tiền 138.000.000 đồng cho ông bà. Sau đó ông C thanh toán được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 88.000.000 đồng không thanh toán. Vì vậy ông T và bà B yêu cầu ông C thanh toán tiếp số tiền 88.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại đơn tự khai ngày 08/8/2019 bị đơn Hồng Quốc C trình bày:*

Ông C thừa nhận năm 2006 ông Cường là người Trung Quốc có nợ của ông T và bà B số tiền 138.000.000 đồng nhưng ông không biết tiền gì. Ông Cường có viết biên nhận nợ và có nhờ ông ký bảo lãnh dùm. Từ khi ký bảo lãnh đến nay đã hơn 13 năm, ông C không nghe ai nhắc đến số tiền này. Nay ông T và bà B yêu cầu ông trả số tiền 88.000.000 đồng ông không đồng ý. Ông C yêu cầu được đối chất với ông Cường, nếu ông Cường chưa trả hay không trả thì ông C sẽ trả số tiền trên. Ông C xác định không có quan hệ mua bán gì với ông T và bà B.

Tại bản án sơ thẩm số: 157/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Ngọc T và bà Trần Thị B. Buộc ông Hồng Quốc C có nghĩa vụ thanh toán cho ông T và bà B 88.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/10/2019, ông Hồng Quốc C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Cấp sơ thẩm chưa cho ông đối chất với ông Cường, chỉ căn cứ giấy bảo lãnh để buộc ông trả tiền cho ông T và bà B là không đúng, từ năm 2006 đến nay hơn 13 năm là hết thời hiệu khởi kiện, từ đó yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của ông T và bà B. Do tình trạng sức khỏe ông C không tốt và phải đang điều trị bệnh, vì vậy ông C yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại phiên tòa, ông T và bà B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông C, đồng thời tranh luận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồng Quốc C không đồng ý với án sơ thẩm về việc buộc ông C có nghĩa vụ thanh toán cho ông T và bà B số tiền 88.000.000 đồng với lý do cấp sơ thẩm chưa cho ông C đối chất với ông Cường mà chỉ căn cứ giấy bảo lãnh để buộc ông C trả tiền cho ông T và bà B là không đúng, từ năm 2006 đến nay hơn 13 năm là hết thời hiệu khởi kiện, nên yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông T và bà B. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Ngày 10/01/2006 ông Thẩm Quốc Cường (là người Trung Quốc) có lập biên nhận nợ ông T và bà B số tiền 138.000.000 đồng, nội dung biên nhận thể hiện nếu ông Cường không trả tiền cho ông T và bà B thì ông C có trách nhiệm trả thay, ông C có ký và ghi họ tên bên người bảo lãnh điều này là thực tế có xảy ra được các đương sự thừa nhận. Sau khi ký bảo lãnh, ông C có viết và ký nội dung cam kết nếu đến ngày 20/02 al ông Cường không thanh toán nợ thì ông C sẽ thanh toán cho ông T và bà B. Đến thời hạn cam kết, ông C không nhận được thông báo từ phía ông Cường về việc đã trả tiền cho ông T và bà B, do vậy bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả tiền cho ông T và bà B bằng 50.000.000 đồng, điều đó cho thấy trên thực tế kể từ sau ngày hết hạn cam kết ngày 20/02 al thì trách nhiệm trả tiền cho ông T và bà B đã được chuyển giao cho ông C, do đó việc ông C yêu cầu được đối chất với ông Cường để làm rõ việc ông Cường đã trả tiền cho ông T và bà B hay chưa xét thấy là không cần thiết.

[2.1] Kể từ khi ông C cam kết nhận trách nhiệm trả tiền, ông T và bà B xác định bị đơn đã trả cho ông bà được số tiền 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 88.000.000 đồng chưa trả. Như vậy tính từ thời điểm hết thời hạn ông C cam kết trả tiền đến ngày ông T và bà B khởi kiện là trên 03 năm, nhưng xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông C chỉ trình bày thời gian nợ nần giữa các bên đã kéo dài chứ không có văn bản yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu, do đó cấp sơ thẩm không áp dụng quy định về thời hiệu, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà B, buộc ông C có trách nhiệm trả cho ông T và bà B số tiền 88.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Ông C có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông C cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông C.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định đánh giá của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận, vì vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo của ông Hồng Quốc C, nên án phí phúc thẩm ông C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồng Quốc C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 157/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Ngọc T và bà Trần Thị B.

Buộc ông Hồng Quốc C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Kiều Ngọc T và bà Trần Thị B số tiền 88.000.000 đồng (Tám mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày ông Kiều Ngọc T và bà Trần Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồng Quốc C không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí sơ thẩm: Ông Hồng Quốc C phải chịu số tiền 4.400.000 đồng. Ông Kiều Ngọc T và bà Trần Thị B không phải chịu, ngày 05/7/2019 ông T và bà B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.200.000 đồng theo biên lai thu số 0000404 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Án phí phúc thẩm: Ông Hồng Quốc C phải chịu 300.000 đồng, ngày 21/10/2019 ông C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000931 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Út - Hồ Minh Tấn

Phạm Việt Trung